TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**73**/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 28/04/2026
Về việc: "Xin ly hôn và nuôi con chung".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Trương Thanh Toàn.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Cao Minh Trung.**

2. Ông **Phạm Văn Tài.**

- Thư ký phiên toà: Ông **Lê Quốc Tững** - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 4 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Văn Hai** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 04 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – An Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số:220/2026/TLST - HNGĐ, ngày 29 tháng 10 năm 2025 về việc: "Xin Ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 04 năm 2026.

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc L**, sinh năm 2003 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số B N, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh **Trần Văn H**, sinh năm 2004 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã M, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày như sau:

Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Trần Văn H tự tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình thống nhất tổ chức đám cưới vào năm 2021, chị L và anh H có đăng

ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh An Giang thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc và anh, chị đã có 01 con chung tên Trần Ngọc V, sinh ngày 08/01/2022. Đến khoảng cuối năm 2024 vợ chồng anh, chị thường hay bất đồng quan điểm về cách sống, hay cãi nhau bất nguồn từ việc làm ăn, mẫu thuẫn ngày càng trầm trọng, bất đồng ngày càng lớn không thể hàn gắn tình cảm được, nên anh, chị đã ly thân từ đó cho đến nay không còn quan tâm chăm sống với nhau nữa. Chị L làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 4 – An Giang giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với anh Trần Văn H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Ngọc V, sinh ngày 08/01/2022, chị L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, qua quá trình làm việc tại toà, chị L cho rằng nếu anh H yêu cầu nuôi cháu V thì chị đồng ý giao cháu V cho anh H nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung; Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Anh Trần Văn H xin vắng mặt, tuy nhiên theo biên bản lấy lời khai ngày 16/3/2026 và ngày 13/4/2026 anh Trần Văn H trình bày:

Về hôn nhân và con, tài sản chung, nợ chung anh Trần Văn H thống nhất chị L trình bày là đúng, về con chung có 01 người con chung như chị L trình bày. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 16/03/2026 của Toà án nhân dân Khu vực 9 – Đồng Tháp anh H không đồng ý ly hôn, anh cho rằng anh sẽ có phương án để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái đến tuổi trưởng thành, sau này anh có liên hệ nhiều lần với chị L nhưng không được, nay chị L cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Ngọc V, sinh ngày 08/01/2022, hiện nay các V đang sống với anh, nên anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung đều không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng, về nội dung của Tòa án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ được công bố tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Trần Văn H.

+ Về quan hệ con chung: Anh, chị có 01 con chung tên Trần Ngọc V, sinh ngày 08/01/2022, đề nghị Hội đồng xét xử giao cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, anh H không yêu cầu cấp dưỡng đề nghị Hội đồng xéy xử không xem xét.

+ Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét vì các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu án phí hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Văn H và giải quyết việc nuôi con nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp về "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh H với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại xã M, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – An Giang.

Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Trần Văn H có đơn yêu cầu giải quyết vắng. Xét thấy, sự vắng mặt của chị L và anh H không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh, chị và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị L và anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Trần Văn H tổ chức đám cưới vào năm 2021 và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 18/5/2021 nay là xã M, tỉnh An Giang nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án chị L xác định vợ chồng anh, chị có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bất đồng ngày càng lớn không thể hàn gắn tình cảm được. Xét thấy, chị L, anh H đã ly thân từ năm 2024 cho đến nay, hai bên không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau

nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh H lúc đầu không chịu ly hôn, nhưng chị L cương quyết thì anh cũng đồng ý. Vì vậy, chị L yêu cầu được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Trần Văn H có 01 con chung tên Trần Ngọc V, sinh ngày 08/01/2022 hiện nay cháu đang ở chung với anh H, xét thấy, dưới sự chăm sóc, giáo dục của anh H hiện nay cháu V đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường. Anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Giao cháu V cho H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Chị L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H có việc làm và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Trần Văn H trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Trần Văn H xác định anh, chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp, chị L, anh H có phát sinh tranh chấp về tài sản, nợ chung thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – An Giang phát biểu tại phiên tòa là có cơ sở được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận trong quá trình nghị án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 55, Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc L yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn H.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với anh Trần Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Giao anh Trần Văn H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Ngọc V.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về quyền thăm nom chăm sóc con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc L có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cấm cản.

3. Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Trần Văn H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ và cho vay nợ: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Trần Văn H khai không có. Do đó, khi nào phát sinh sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005156 ngày 20 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Theo đó chị L đã nộp đủ án phí.

6. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKS khu vực 4 – An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- UBND xã Mỹ Thuận;
- Đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thanh Toàn